



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 30345.23



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-27
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 247,5 g
Ngày nhận mẫu : 08/11/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Salmonella spp.	AOAC 967.27 (d)	Không phát hiện/25 g	09/11/2023
2	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (d)	< 10 CFU/g	09/11/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 025027/VYTCC ban hành ngày 17/11/2023 về việc điều chỉnh tên mẫu.
 - < 10 CFU/g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30-01-2024**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 002607/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 30346.23



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-27
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 247,5 g
Ngày nhận mẫu : 08/11/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/kg	15/11/2023
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/kg	15/11/2023
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/kg	15/11/2023
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	15/11/2023
5	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	09/11/2023
6	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/kg	13/11/2023

Mã số mẫu: 30346.23

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 025028/VYTCC ban hành ngày 17/1/2023 về việc điều chỉnh tên mẫu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**30-01-2024**.....

TUO. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 002608 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 30347.23



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-27
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 247,5 g
Ngày nhận mẫu : 08/11/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	10/11/2023
2	Diminazene	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 25 µg/kg	11/11/2023
3	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	09/11/2023
4	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	09/11/2023
5	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15 µg/kg	09/11/2023
6	Sulfamethazine (Sulfadimidine)	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	11/11/2023
7	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	11/11/2023
8	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	11/11/2023

Mã số mẫu: 30347.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
9	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	11/11/2023
10	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	11/11/2023
11	Procaine benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	11/11/2023
12	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	11/11/2023
13	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	11/11/2023
14	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7 µg/kg	11/11/2023
15	Colistin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 10 µg/kg	11/11/2023
16	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 10 µg/kg	11/11/2023
17	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,014 µg/kg	10/11/2023
18	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	14/11/2023
19	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	14/11/2023
20	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	14/11/2023
21	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	14/11/2023
22	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	14/11/2023
23	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,5 µg/kg	10/11/2023
24	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
25	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
26	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	10/11/2023
27	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
28	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
29	Febantel	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 30347.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
30	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
31	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
32	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
33	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
34	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	10/11/2023
35	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	10/11/2023
36	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	10/11/2023
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/kg	10/11/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 025029/VYTCC ban hành ngày 17/11/2023 về việc điều chỉnh tên mẫu.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**3.0.-01-2024**.....

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 002605 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 30344.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN DẦU - SÔCÔLA - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-27
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 247,5 g
Ngày nhận mẫu : 08/11/2023
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Bromide ion	HD.PP.182/TT.SK	Không phát hiện LOD = 10 mg/kg	14/11/2023
2	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
3	Dithiocarbamate	HD.PP.168/TT.SK (GC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	11/11/2023
4	Diquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
5	Glufosinate-ammonium	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	14/11/2023
6	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	10/11/2023
7	Bromopropylate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
8	Captan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
9	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	10/11/2023
10	Chlorpyrifos-ethyl (Chlorpyrifos)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
11	Chlorpyrifos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
12	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023

Mã số mẫu: 30344.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	10/11/2023
14	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
15	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
16	Dichlofluanid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
17	Endosulfan (Endosulfan I, Endosulfan II, Endosulfan sulfate)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	10/11/2023
18	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
19	Folpet	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
20	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	10/11/2023
21	Imazalil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
22	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
23	Malathion	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
24	Methyl bromide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	14/11/2023
25	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
26	Spirodiclofen	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	10/11/2023
27	Abamectin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	10/11/2023
28	Acetamiprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
29	Azoxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
30	Bifenazate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
31	Boscalid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	10/11/2023
32	Buprofezin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
33	Chlorothalonil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,021 mg/kg	10/11/2023
34	Clofentezine	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	10/11/2023
35	Cycloxydime	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005 mg/kg	10/11/2023
36	Cyflumetofen	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
37	Dimethomorph	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
38	Dinocap	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	10/11/2023

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
39	Ethoprophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
40	Fenamidone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
41	Fenarimol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005 mg/kg	10/11/2023
42	Fenbutatin oxide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,015 mg/kg	10/11/2023
43	Fenhexamid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	10/11/2023
44	Fenpyroximate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	10/11/2023
45	Fludioxonil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
46	Fluopyram	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	10/11/2023
47	Hexythiazox	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	10/11/2023
48	Imidacloprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	10/11/2023
49	Iprodione	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	10/11/2023
50	Meptyldinocap	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/kg	10/11/2023
51	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
52	Methiocarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
53	Methoxyfenozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
54	Metrafenone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
55	Myclobutanil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
56	Novaluron	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	10/11/2023
57	Penconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
58	Penthiopyrad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	10/11/2023
59	Pyraclostrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
60	Quinoxifen	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
61	Sulfoxaflor	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	10/11/2023
62	Tolyfluanid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
63	Triadimefon	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023
64	Triadimenol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	10/11/2023

Mã số mẫu: 30344.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
65	Trifloxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	10/11/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 025026/VYTCC ban hành ngày 17/11/2023 về việc điều chỉnh tên mẫu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30-01-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh